TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 07-12-2017
V/v "*Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trầm Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Thanh Hùng

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết

-***Thư ký phiên tòa:*** Ông Kim Chanh Ni, Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D*** *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2017/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2017/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Sơn Thị Thanh T, sinh năm 1995 (Có mặt).
Địa chỉ: ấp B, xã Kim Sơn, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn:* Anh Thái Văn X, sinh năm 1992 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: ấp V, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Sơn Thị Thanh T và anh Thái Văn X tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2014 được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo qui định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 26/3/2014. Khi cưới xong về chung sống với cha mẹ chồng được khoảng 04 tháng thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nên chị bỏ về nhà cha, mẹ ruột sống cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thái Văn X. Về con chung: không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không có: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Thái Văn X tại biên bản lấy lời khai và Đơn xin xét xử vắng mặt cùng ngày 02/11/2017 anh thống nhất lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân và thời gian kết hôn. Về việc hai người thường xuyên cự cãi anh cũng thống nhất với lời trình bày của chị T, hai người bất đồng quan điểm sống về mọi mặt không thể hàn gắn nay chị T yêu cầu xin ly hôn anh thống nhất. Về con chung: không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: thống nhất như lời trình bày của chị T.

Tại phiên tòa hôm nay: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh Thái Văn X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và anh có đơn xin giải quyết vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ cũng như tại phiên tòa hôm nay, Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và quan hệ pháp luật, xác định đầy đủ và đúng tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ theo trình tự, thủ tục, quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện Kiểm Sát nghiên cứu đúng thời hạn; cấp tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ về nguyên tắc cơ bản khi giải quyết vụ án, thành phần Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc bị thay đổi theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án chị Sơn Thị Thanh T và anh Thái Văn X đều thừa nhận quan hệ hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T nộp đơn xin ly hôn với anh X là có căn cứ chấp nhận. Về con chung: không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra đương sự không yêu cầu gì khác nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét thấy đơn khởi kiện của chị Sơn Thị Thanh T có nội dung yêu cầu ly hôn với anh Thái Văn X là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện.

[2] Việc chị Sơn Thị Thanh T và anh Thái Văn X kết hôn tự nguyện và có đăng ký theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình là đúng quy định pháp luật. Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định về tình nghĩa vợ chồng "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình" nhưng quá trình chung sống hai bên đương sự không thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ vợ chồng với nhau nên mục đích hôn nhân không đạt được và chị T và anh X đã không còn qua lại với nhau hơn ba năm nay. Cho thấy mối quan hệ hôn nhân của hai người đã rạn nứt và cả hai không muốn hàn gắn với nhau nên chị T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh X là có cơ sở.

[3] Về con chung: cả hai bên đương sự đều thống nhất không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu nên không xét đến.

[5] Về án phí: chị Sơn Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

Áp dụng các điều 9,19, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sơn Thị Thanh T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Sơn Thị Thanh T được ly hôn với anh Thái Văn X.

Về con chung: không có nên không xét đến.

Về tài sản, nợ chung: không yêu cầu nên không xét đến.

Về án phí: Buộc chị Sơn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0013031 ngày 30/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn anh Thái Văn Xuồng có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện D;
- CCTHADS huyện D;
- UBND xã K – huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trầm Thị Thanh Thảo